

Phụ lục I

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2025					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			Đã phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 140/NQ- HĐND ngày 06/12/2024 và Quyết định số 3076/QĐ-UBND ngày 06/12/2024; Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	Đã phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 175/NQ- HĐND ngày 19/12/2024 và Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	Phân bổ kế hoạch năm 2025 đợt 3	Chưa phân bổ (*)	
	TỔNG SỐ	8,957,061	7,613,967	501,370	330,830	510,894	
a)	Vốn ngân sách địa phương	3,496,070	2,226,301	501,370	330,830	437,569	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	886,170	745,249	60,205	41,556	39,160	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	370,000	163,186	84,450	98,364	24,000	
-	Xổ số kiến thiết	2,235,000	1,317,866	356,715	190,910	369,509	
-	Bội chi ngân sách địa phương	4,900	0			4,900	
b)	Vốn ngân sách trung ương	5,460,991	5,387,666			73,325	
-	Vốn trong nước	5,294,222	5,279,384			14,838	
+	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1,353,280	1,353,280				
+	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác	2,560,342	2,560,342				
+	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	21,000	21,000				Bổ trí hoàn trả lại vốn Chương trình Phục hồi sau điều chỉnh linh hoạt qua lại với dự án khác trong kế hoạch năm 2023, 2024
+	Nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021	1,121,000	1,121,000				
+	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)	134,382	134,382				Chi tiết theo các Nghị quyết và Quyết định riêng
+	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	97,840	83,002			14,838	
+	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	6,378	6,378				
-	Vốn nước ngoài	166,769	108,282			58,487	
+	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	150,183	91,696			58,487	
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	16,586	16,586				

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (ĐỢT 3)

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

DVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Lũy kế vốn ước giải ngân từ khi khởi công đến hết KH năm 2024		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh quản lý, hỗ trợ	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh quản lý, hỗ trợ	Tổng số	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh quản lý, hỗ trợ		
									Kế hoạch trung hạn đã bố trí đến hết năm 2024	Kế hoạch trung hạn còn lại của dự án đến cuối năm 2025				
	TỔNG SỐ					97,192	97,192	41,556	-	41,556	-	-	41,556	
A	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH TỈNH					97,192	97,192	41,556	-	41,556	-	-	41,556	
A.1	NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ					97,192	97,192	41,556	-	41,556	-	-	41,556	
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội					5,320	5,320	5,320	-	5,320	-	-	5,320	
	Dự án khởi công mới					5,320	5,320	5,320	-	5,320	-	-	5,320	
1	Dự án Sửa chữa cơ quan tỉnh Đoàn và Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên tỉnh Sóc Trăng	158/NQ-HĐND, 06/12/2024	5,320	5,320	87/QĐ-UBND, 16/01/2025	5,320	5,320	5,320		5,320			5,320	
II	Khác					91,872	91,872	36,236	-	36,236	-	-	36,236	
	Dự án khởi công mới					91,872	91,872	36,236	-	36,236	-	-	36,236	
1	Dự án Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	117/NQ-HĐND, 28/8/2024	91,872	91,872	165/QĐ-UBND, 24/01/2025	91,872	91,872	36,236		36,236			36,236	

Ghi chú:

(1) Chủ đầu tư triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

Phụ lục III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (ĐỢT 3)

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

DVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Lũy kế vốn ước giải ngân từ khi khởi công đến hết KH năm 2024		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh quản lý, hỗ trợ	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh quản lý, hỗ trợ	Tổng số	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh quản lý, hỗ trợ		
									Kế hoạch trung hạn đã bố trí đến hết năm 2024	Kế hoạch trung hạn còn lại của dự án đến cuối năm 2025				
	TỔNG SỐ					168,247	168,247	98,364	-	98,364	-	-	98,364	
A	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH TỈNH					168,247	168,247	98,364	-	98,364	-	-	98,364	
A.1	NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ					168,247	168,247	98,364	-	98,364	-	-	98,364	
I	Khu công nghiệp và khu kinh tế					51,375	51,375	41,100	-	41,100	-	-	41,100	
	Dự án khởi công mới					51,375	51,375	41,100	-	41,100	-	-	41,100	
1	Dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp An Nghiệp	155/NQ-HĐND, 06/12/2024	51,375	51,375	88/QĐ-UBND, 16/01/2025	51,375	51,375	41,100		41,100			41,100	
II	Khác					116,872	116,872	57,264	-	57,264	-	-	57,264	
	Dự án khởi công mới					116,872	116,872	57,264	-	57,264	-	-	57,264	
1	Dự án Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	117/NQ-HĐND, 28/8/2024	91,872	91,872	165/QĐ-UBND, 24/01/2025	91,872	91,872	37,264		37,264			37,264	
2	Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Sóc Trăng và thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	111/NQ-HĐND, 28/8/2024	25,000	25,000	3516/QĐ-UBND, 31/12/2024	25,000	25,000	20,000		20,000			20,000	

Ghi chú:

(1) Chủ đầu tư triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN XỐ SÓ KIẾN THIẾT (ĐỢT 3)

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 -2025			Lũy kế vốn ước giải ngân từ khi khởi công đến hết KH năm 2024		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh quản lý, hỗ trợ	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh quản lý, hỗ trợ	Tổng số	Trong đó					
									Kế hoạch trung hạn đã bố trí đến hết năm 2024	Kế hoạch trung hạn còn lại của dự án đến cuối năm 2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh quản lý, hỗ trợ		
	TỔNG SỐ							192,180	-	192,180	-	-	190,910	
A	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH TỈNH							192,180	-	192,180	-	-	190,910	
A.1	NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ		163,700	163,700	-	163,700	163,700	131,000	-	131,000	-	-	131,000	
I	Y tế, dân số và gia đình		33,700	33,700		33,700	33,700	27,000		27,000			27,000	
	Dự án khởi công mới		33,700	33,700		33,700	33,700	27,000	-	27,000	-	-	27,000	
I	Dự án Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng	153/NQ-HĐND, 06/12/2024	33,700	33,700	89/QĐ-UBND, 16/01/2025	33,700	33,700	27,000		27,000			27,000	
II	Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương		130,000	130,000	-	130,000	130,000	104,000	-	104,000	-	-	104,000	
	Dự án khởi công mới		130,000	130,000	-	130,000	130,000	104,000	-	104,000	-	-	104,000	
1	Dự án Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030 (Đề án 06)	99/NQ-HĐND, 28/8/2024	40,000	40,000	3441/QĐ-UBND, 30/12/2024	40,000	40,000	32,000		32,000			32,000	
2	Dự án Cầu Phú Lộc kết nối Quốc lộ 61B và kết nối các tuyến đường trung tâm huyện Thạnh Trị	150/NQ-HĐND, 06/12/2024	90,000	90,000	167/QĐ-UBND, 03/02/2025	90,000	90,000	72,000		72,000			72,000	
A.2	NGÂN SÁCH TỈNH TRỢ CẤP MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	-	61,180	61,180	-	59,924	59,924	61,180	-	61,180	-	-	59,910	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	-	34,180	34,180	-	33,378	33,378	34,180	-	34,180	-	-	33,370	
	Dự án khởi công mới	-	34,180	34,180	-	33,378	33,378	34,180	-	34,180	-	-	33,370	
1	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8 thành phố Sóc Trăng	30/NQ-HĐND, 25/10/2024	9,600	9,600	39/QĐ-UBND, 16/01/2025	9,491	9,491	9,600		9,600			9,490	
2	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9 thành phố Sóc Trăng	31/NQ-HĐND, 25/10/2024	9,600	9,600	34/QĐ-UBND, 14/01/2025	8,907	8,907	9,600		9,600			8,900	
3	Dự án Trường Tiểu học Lai Hòa 1, xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu	2752/QĐ-UBND, 27/11/2024	14,980	14,980	3050/QĐ-UBND, 30/12/2024	14,980	14,980	14,980		14,980			14,980	
II	Y tế, dân số và gia đình		13,000	13,000	-	12,546	12,546	13,000	-	13,000	-	-	12,540	
	Dự án khởi công mới		13,000	13,000	-	12,546	12,546	13,000	-	13,000	-	-	12,540	
1	Dự án Trạm Y tế phường 5, thành phố Sóc Trăng	37/NQ-HĐND, 19/11/2024	5,000	5,000	44/QĐ-UBND, 17/01/2025	4,546	4,546	5,000		5,000			4,540	
2	Dự án Trạm Y tế thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị	3464/QĐ-UBND, 09/12/2024	8,000	8,000	30/QĐ-UBND, 09/01/2025	8,000	8,000	8,000		8,000			8,000	
III	Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương		14,000	14,000	-	14,000	14,000	14,000	-	14,000	-	-	14,000	
	Dự án khởi công mới		14,000	14,000		14,000	14,000	14,000	-	14,000	-	-	14,000	
1	Dự án Đường vào Khu vui chơi triển lãm và hội chợ tỉnh Sóc Trăng (Đường N7, đường N8 đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường D8), thành phố Sóc Trăng	38/NQ-HĐND, 19/11/2024	14,000	14,000	20/QĐ-UBND, 10/01/2025	14,000	14,000	14,000		14,000			14,000	

Ghi chú:

(1) Chủ đầu tư triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.